


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5943** /UBND-TH
V/v báo cáo giải trình, làm rõ
một số nội dung theo yêu cầu
của HĐND tỉnh

Quảng Trị, ngày **06** tháng 12 năm 2021

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

 Theo đề nghị của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh xin báo cáo một số nội dung sau đây:

1. Tại Văn bản số 376/HĐND-CTHĐND ngày 02/12/2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc rà soát nội dung trình kỳ họp thứ 06 HĐND tỉnh, có đề nghị: Đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về “*quy định chính sách một số chính sách thu hút, đãi ngộ, đào tạo nhân lực có chất lượng cao của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2026*”, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo nghiên cứu đề xuất theo hướng: Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ, thu hút, đãi ngộ đối với Bác sĩ, Dược sĩ đại học và cán bộ nữ.

Sau khi đối chiếu các quy định liên quan, UBND tỉnh báo cáo và đề xuất Thường trực HĐND tỉnh như sau:

Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về “*quy định chính sách một số chính sách thu hút, đãi ngộ, đào tạo nhân lực có chất lượng cao của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 – 2026*” trước khi trình HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã căn cứ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện đầy đủ các bước quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định, như:

Đã gửi lấy ý kiến tham gia của các Bộ: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp, Lao động, Thương binh và Xã hội và Y tế; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức Chính trị - Xã hội cấp tỉnh; Ban Tổ chức Tỉnh ủy; các Sở, ban ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh để lấy ý kiến tham gia rộng rãi của các tầng lớp nhân dân; lấy ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp... Do đó, trường hợp sửa đổi nội dung dự thảo Nghị quyết thì phải thực hiện lại các bước quy trình nêu trên, thời gian tổ chức thực hiện tối thiểu là 01 tháng theo luật định.

Để các chính sách thu hút, đãi ngộ đối với đội ngũ viên chức ngành y tế, chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức nữ được sớm ban hành và kịp thời đưa vào áp dụng từ đầu năm 2022, UBND tỉnh kính đề xuất Thường trực HĐND tỉnh xem xét tiếp tục trình dự thảo Nghị quyết quy định chính sách một số chính sách thu hút, đãi ngộ, đào tạo nhân lực có chất

lượng cao của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 – 2026 tại kỳ họp thứ 6 HĐND tỉnh khóa VIII theo nội dung tại Tờ trình số 195/TTr-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh.

2. Thực hiện Văn bản số 381/HĐND-KTNS ngày 05/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị giải trình, làm rõ một số nội dung tại kỳ họp thứ 6 - HĐND tỉnh khóa VIII;

Ủy ban nhân dân tỉnh xin báo cáo các nội dung theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh (có phụ lục đính kèm). Đối với nội dung về “Phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất an ninh đối với 98 trụ sở làm việc cho Công an xã theo quy định của Luật đất đai 2013 và các quy định khác có liên quan. Xem xét tính toán việc xây dựng trụ sở làm việc cho công an xã chính quy trong tổng thể hệ thống trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMT, các Tổ chức chính trị xã hội của xã, thị trấn để tiết kiệm nguồn lực tài chính và quỹ đất cho địa phương” sẽ báo cáo riêng.

Ủy ban nhân dân xin báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS, HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH_U. *WJ*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng

CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO GIẢI TRÌNH, LÀM RÕ

Theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh

tại Văn bản số 381/HĐND-KTNS ngày 05/12/2021

(Phụ lục kèm theo Văn bản số 5943/UBND-TH ngày 06/12/2021 của UBND tỉnh)

Nội dung thứ nhất: Về tiến độ thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước địa phương theo kế hoạch phê duyệt trong năm 2021

1. Kết quả thực hiện cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Công văn số 991/TTg-ĐMDN ngày 10/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo quy định tại Công văn số 991/TTg-ĐMDN ngày 10/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh mục DNNN hoàn thành cổ phần hóa theo từng năm giai đoạn 2017 - 2020, tỉnh Quảng Trị được giao thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Cửa Việt.

Đến nay, Công ty TNHH MTV Cảng Cửa Việt đã thực hiện hoàn thành công tác cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ tháng 4/2020, trong đó, phần vốn nhà nước chiếm 96,95% vốn điều lệ.

2. Kết quả thực hiện thoái vốn doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ:

Theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020, tỉnh Quảng Trị được giao nhiệm vụ thực hiện thoái vốn nhà nước tại 5 công ty cổ phần, gồm có:

- Năm 2017, thực hiện thoái vốn 03 doanh nghiệp: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị (tỷ lệ thoái vốn 30%); Công ty cổ phần Tân Hưng (tỷ lệ thoái vốn 30%) và Công ty cổ phần Quản lý và xây dựng giao thông Quảng Trị (tỷ lệ thoái vốn 30%).

- Năm 2018 thực hiện thoái vốn 02 doanh nghiệp: Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị (tỷ lệ thoái vốn 28,67%); Công ty cổ phần Môi trường và Đô thị Đông Hà (tỷ lệ thoái vốn 19,36%).

- Năm 2019 thực hiện thoái vốn Công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị (tỷ lệ thoái vốn 13,52%).

Kết quả thực hiện:

- Năm 2017, Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị đã hoàn thành việc thoái 43,52% (cả 02 năm 2017 và 2019) phần vốn nhà nước, tỷ lệ phần vốn nhà nước nắm giữ sau khi thoái vốn là 51% vốn điều lệ.

- Năm 2017, Công ty cổ phần Quản lý và Xây dựng Giao thông Quảng Trị đã thực hiện thoái vốn thành công (30%), hiện nay không còn phần vốn nhà nước.

- Năm 2017, Công ty cổ phần Tân Hưng Quảng Trị đã thực hiện thoái vốn thành công (30%), hiện nay không còn phần vốn nhà nước.

- Năm 2019, Công ty Cổ phần Môi trường và Đô thị Đông Hà đã thực hiện thoái vốn theo quy định (tỷ lệ thoái vốn 19,36%) nhưng không có nhà đầu tư nào tham gia, hiện tại phần vốn nhà nước nắm giữ 55,37% vốn điều lệ.

- Năm 2019, Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị đã hoàn thành thoái vốn (28,67%), hiện tại phần vốn nhà nước nắm giữ 22,6% vốn điều lệ

3. Tình hình doanh nghiệp có vốn nhà nước hiện nay:

a. Doanh nghiệp Nhà nước giữ dưới 50% vốn điều lệ:

- Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị (22,6%)

b. Nhà nước giữ trên 50% vốn điều lệ:

- Công ty cổ phần nước sạch Quảng Trị (51%);

- Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà (55,37%);

- Công ty cổ phần Cảng Cửa Việt (96,959%).

c. Duy trì doanh nghiệp 100% vốn nhà nước (không thực hiện cổ phần hóa)

- Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác công trình Thủy lợi Quảng Trị;

- Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết Quảng Trị.

4. Kế hoạch thoái vốn nhà nước giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện Công văn số 5250/BKHĐT-PTDN ngày 10/8/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh đã có Văn bản số 5444/UBND-TM ngày 10/11/2021 trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp 2021 - 2025 của tỉnh, cụ thể:

- Thoái hết vốn nhà nước trong trong giai đoạn 2021 - 2025 đối với Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị và Công ty cổ phần Cảng Cửa Việt.

- Không thực hiện thoái vốn trong giai đoạn 2021 - 2025 đối với Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị (*Căn cứ quy định tại Điểm 1, Mục III, Phụ lục đính kèm Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ thì Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị thuộc diện không thoái vốn trong giai đoạn 2021-2025*).

- Chưa xem xét thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà trong giai đoạn 2021 - 2025 mà cho thoái vốn sau năm 2025 với lý do Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích vệ sinh môi trường gồm thu gom vận chuyển xử lý rác thải, quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, quản lý chăm sóc cây xanh công viên, vận hành điện chiếu sáng công cộng. Hàng năm, kinh phí đặt hàng chiếm trên 60% doanh thu của Công ty; vốn điều lệ của Công ty nhỏ (chỉ 3,3 tỷ đồng); để duy trì tốt hoạt động điều hành của Nhà nước đối với hoạt động môi trường, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân cũng như trả khoản nợ vay ADB theo kế hoạch (số nợ vay ADB tính đến cuối năm 2020 là 10,4 tỷ đồng, theo kế hoạch tính đến hết năm 2027 Công ty mới trả hết nợ, trong khi đó tài sản đầu tư từ nguồn vốn vay đã sử dụng hơn 10 năm đang xuống cấp phải sửa chữa thường xuyên, khó có nhà đầu tư quan

tâm mua cổ phần). Năm 2019, Công ty đã thực hiện thoái 19,36% vốn nhà nước nhưng không thành vì không có nhà đầu tư tham gia.

Sau khi được Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt, UBND tỉnh tổ chức thực hiện theo quy định.

5. Tình hình triển khai thực hiện cổ phần hóa các công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về việc sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông lâm nghiệp; Thông tư 02/2015/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT ngày 27/01/2015 hướng dẫn việc xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, UBND tỉnh xây dựng phương án cổ phần hóa 03 công ty lâm nghiệp của tỉnh trình xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ngày 20/11/2015 Thủ tướng Chính phủ có Công văn số 2119/TTg-ĐMDN phê duyệt phương án chuyển Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đường 9, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Triệu Hải, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bến Hải thành Công ty cổ phần, nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối.

Thực hiện Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và Công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, UBND tỉnh đã triển khai thực hiện việc cổ phần hóa 03 Công ty lâm nghiệp của tỉnh theo quy định. Thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ giúp việc, Ban hành kế hoạch cổ phần hóa, phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đơn vị cổ phần hóa, xây dựng phương án sử dụng lao động, kiểm kê tài sản để xác định giá trị doanh nghiệp. Các nội dung cơ bản đúng tiến độ, tuy nhiên do vướng mắc kéo dài trong quá trình xây dựng và phê duyệt phương án sử dụng đất của các công ty lâm nghiệp nên tiến độ thực hiện cổ phần hóa chưa đảm bảo yêu cầu (đây cũng là khó khăn chung của các công ty lâm nghiệp trên toàn quốc thực hiện cổ phần hóa). Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo xử lý dứt điểm các vướng mắc về đất đai để triển khai cổ phần hóa các Công ty lâm nghiệp đảm bảo đúng quy định.

Nội dung thứ hai: Kết quả thực hiện chuyển giao đất tại các Công ty lâm nghiệp cho các huyện quản lý theo Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:

1. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đường 9:

- Đã được UBND tỉnh phê duyệt phương án sử dụng đất tại Quyết định số: 3580/QĐ-UBND ngày 10/11/2021. Theo quyết định thì diện tích Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đường 9 được giữ lại tiếp tục sử dụng là 3.849,213 ha (đất rừng sản xuất 3.848,40 ha, đất thương mại, dịch vụ: 0,813 ha).

- Diện tích Công ty bàn giao địa phương là: 3.041,5 ha (2.995,4 ha đất rừng sản xuất và 46,1 ha đất rừng phòng hộ, thuộc phường 3, TP. Đông Hà), chiếm tỷ lệ 44,14% tổng diện tích.

Trong tổng số 2.995,4 ha đất rừng sản xuất bàn giao địa phương, hiện nay đã có: 1.325,10 ha được bàn giao về địa phương quản lý (gồm: 763,32 ha tại địa bàn xã Cam Tuyền được UBND tỉnh thu hồi đất theo Quyết định số: 2698/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 và 561,78 ha tại xã Linh Thượng (nay là xã Linh Trường) được UBND tỉnh thu hồi theo Quyết định số 2921/QĐ-UBND ngày 20/10/2019. Diện tích còn lại (1.670ha) sẽ được bàn giao cho địa phương theo lộ trình thanh lý, khai thác cây của Công ty.

2. Công ty TNHH Lâm nghiệp Triệu Hải:

- Theo phương án sử dụng đất Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định thì diện tích Công ty được giữ lại tiếp tục sử dụng là 4.065,83 ha (4.063,91 ha đất rừng sản xuất; 1,32ha đất nông nghiệp khác và 0,60 ha đất trụ sở làm việc).

- Diện tích bàn giao địa phương là: 986,94 ha đất rừng sản xuất, chiếm tỷ lệ 19,53 % tổng diện tích. Hiện nay, Công ty đã bàn giao địa phương quản lý là 856,94 ha gồm:

+ 420,4 ha tại xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, được UBND tỉnh thu hồi tại Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 12/10/2017;

+ 144,54 ha tại vùng Khe Khế, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, được UBND tỉnh thu hồi tại Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 26/4/2018;

+ 292 ha tại thị xã Quảng Trị (được UBND tỉnh thu hồi các tại Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 11/4/2016, số 2815/QĐ-UBND ngày 10/10/2017, số 2004/QĐ-UBND ngày 31/8/2018);

+ Diện tích còn lại 130 ha sẽ được bàn giao cho địa phương theo lộ trình thanh lý, khai thác cây của Công ty.

Phương án sử dụng đất của Công ty đã cơ bản hoàn thành, hiện tại Sở Tài nguyên và Môi trường đang rà soát để trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bến Hải:

Phương án sử dụng đất của Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức hội nghị góp ý, yêu cầu khẩn trương hoàn thiện để nộp lại. Tuy nhiên, đến nay Công ty vẫn chưa nộp Phương án sử dụng đất về Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định trình UBND tỉnh.

- Nhưng theo số liệu tại biên bản làm việc giữa công ty, địa phương và các ngành liên quan thì diện tích Công ty giữ lại tiếp tục sử dụng là 5.981,40 ha.

- Diện tích bàn giao địa phương: 2.684,2 ha chiếm 30,97 % tổng diện tích (trong đó đất rừng sản xuất chiếm 21,25% so với tổng diện tích rừng sản xuất); bao gồm: Đất rừng trồng sản xuất: 1.484,0 ha; đất rừng tự nhiên sản xuất: 660,7 ha, đất rừng tự nhiên phòng hộ 516,0 ha; đất có rừng trồng phòng hộ 15,9 ha; đất phi nông nghiệp 7,6 ha. Hiện nay, Công ty đã phối hợp với địa phương tổ chức bàn giao đất tại thực địa để quản lý là 220 ha.

Nội dung thứ ba: Tình hình thực hiện và kế hoạch, giải pháp bố trí vùng nuôi, trồng tập trung tích hợp vào quy hoạch tỉnh và quy hoạch vùng cấp huyện gắn với nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, tạo sản phẩm hàng hóa lớn, tham gia chuỗi giá trị để thu hút kêu gọi đầu tư.

1. Về công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện quy hoạch vùng trồng, vùng nuôi tập trung

Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025, UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020; rà soát quy hoạch phát triển cây trồng vật nuôi chủ lực, vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa trên phạm vi toàn tỉnh và từng địa phương đến năm 2020, tầm nhìn 2025, quy hoạch khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng năm 2030. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Quy hoạch nhiệm vụ quy hoạch ngành không tiến hành lập quy hoạch riêng lẻ mà tích hợp vào quy hoạch tỉnh, vì vậy, nội dung quy hoạch ngành nông nghiệp được tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh.

Năm 2021, trong quá trình xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh và chính sách quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, UBND tỉnh đã yêu cầu các địa phương rà soát, lựa chọn, đề xuất diện tích sử dụng đất các vùng trồng, vùng nuôi tập trung trên cơ sở tiềm năng, lợi thế của địa phương và mục tiêu phát triển của ngành đã được định hướng trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII.

2. Về đề xuất các vùng trồng, vùng nuôi tập trung của các địa phương

Vùng trồng, vùng nuôi tập trung đã được rà soát, tổng hợp và đề xuất vào nội dung Đề án phát triển một số cây trồng vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh giai đoạn 2022-2026 trên cơ sở bố trí diện tích sử dụng đất đến năm 2030 của các địa phương trong toàn tỉnh cụ thể như sau:

- Vùng sản xuất lúa theo hướng hữu cơ, canh tác tự nhiên:
 - + Đến năm 2025: Hải Lăng 1.000 ha, Triệu Phong 650 ha, Gio Linh 200 ha, Vĩnh Linh 80 ha, thị xã Quảng Trị 10 ha;
 - + Đến năm 2030: Hải Lăng 1.500 ha, Triệu Phong 1.225 ha, Gio Linh 250 ha, Vĩnh Linh 200 ha, thị xã Quảng Trị 20 ha;
- Vùng sản xuất hồ tiêu: Huyện Vĩnh Linh 80 ha, Gio Linh 150 ha, Hướng Hóa 100 ha, Cam Lộ 30 ha;
- Vùng cây ăn quả: Hướng Hóa 250 ha, Hải Lăng 300 ha, Vĩnh Linh 25 ha, Gio Linh 190 ha, Triệu Phong 55 ha, Cam Lộ 70 ha;
- Vùng dược liệu: Cam Lộ 1.490 ha, Hướng Hóa 500 ha, Đakrông 80 ha, Triệu Phong 37 ha, Hải Lăng 15 ha, Vĩnh Linh 10 ha, Gio Linh 10 ha;
- Vùng sản xuất cà phê sạch, hữu cơ, đặc sản: Đến năm 2025: Hướng Hóa 1.500 ha; đến năm 2030: Hướng Hóa 2.000 ha;
- Vùng trồng nguyên liệu gỗ chất lượng cao bằng cây giống nuôi cấy mô:

+ Đến năm 2025: Vĩnh Linh 6.000 ha, huyện Gio Linh 1.000 ha, huyện Cam Lộ 500 ha, Triệu Phong 1.000 ha, huyện Hải Lăng 1.000 ha; huyện Đakrông 800 ha, huyện Hướng Hóa 5.000ha; thị xã Quảng Trị 1.500 ha;

+ Đến năm 2030: Vĩnh Linh 7.400 ha, huyện Gio Linh 2.500 ha, huyện Cam Lộ 800 ha, Triệu Phong 2.000 ha, huyện Hải Lăng 2.000 ha; huyện Đakrông 1.800 ha, huyện Hướng Hóa 5.000 ha; thị xã Quảng Trị 1.500 ha.

- Vùng chăn nuôi tập trung (gia súc, gia cầm) tại các huyện Vĩnh Linh 155 ha, Triệu Phong 50 ha, Gio Linh 35 ha, Hướng Hóa 250 ha, Hải Lăng 170 ha, Cam Lộ 1.000 ha, thị xã Quảng Trị 35 ha.

- Vùng nuôi tôm tập trung: Vĩnh Linh 230 ha, Triệu Phong 290 ha, Hải Lăng 50 ha, thành phố Đông Hà 70 ha, Gio Linh 5 ha.

3. Về giải pháp quy hoạch các vùng trồng, vùng nuôi tập trung trong năm 2022

- UBND tỉnh chỉ đạo ngành Nông nghiệp và PTNT tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các địa phương, định hướng thống nhất các vùng trồng, vùng nuôi trên các tiêu chí về chiến lược phát triển sản phẩm chủ lực của tỉnh, quy mô sản lượng, thị trường tiêu thụ đảm bảo mục tiêu của Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVII, để cùng với các địa phương rà soát thống nhất diện tích sử dụng đất các vùng trồng, vùng nuôi phù hợp.

- Các địa phương bố trí diện tích sử dụng đất hợp lý các vùng trồng, vùng nuôi tập trung nhằm vừa khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, đồng thời phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2022.

- Khẩn trương tích hợp diện tích sử dụng đất các vùng trồng, vùng nuôi vào quy hoạch vùng huyện, quy hoạch tỉnh.

- Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch khi được phê duyệt.

Nội dung thứ tư: Tình hình, tiến độ thực hiện các dự án ODA từ nguồn vốn vay, vay lại chính phính phủ và các tổ chức tiền tệ quốc tế; khả năng cân đối theo tiến độ trả lãi vay, nợ đến hạn phải trả như đã cam kết; tiến độ thực hiện các dự án ODA trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo.

I. KẾT QUẢ HUY ĐỘNG, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN ODA GIAI ĐOẠN 2016-2021

1. Kết quả thực hiện và đóng góp của vốn ODA trong phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2021

1.1. Tình hình vận động, thu hút vốn ODA, vốn vay ưu đãi

Giai đoạn 2016-2021, tỉnh Quảng Trị đã vận động, ký kết Hiệp định vay, cam kết tài trợ đối với 09 chương trình, dự án mới sử dụng vốn ODA với tổng vốn ký kết là 3.540,15 tỷ đồng (tương đương 153,92 triệu USD). Đặc biệt trong giai đoạn này, một số dự án đầu tư có quy mô vốn lớn đã được huy động và triển khai như: Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện (BIIG2) tỉnh Quảng Trị có tổng mức đầu tư 44,70 triệu USD; Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng

với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số, tỉnh Quảng Trị (CRIEM)¹ có tổng mức đầu tư 39,711 triệu USD; Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển có tổng mức đầu tư là 21,35 triệu USD;... Nhiều chương trình, dự án sử dụng vốn ODA sau khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đã phát huy tốt hiệu quả đầu tư trong giai đoạn 2016-2021, được nhà tài trợ, các bộ, ngành Trung ương và nhân dân vùng hưởng lợi đánh giá cao, điển hình như: Đường giao thông Thạch Kim - Hiền Hòa, huyện Vĩnh Linh do Á Rập Xê út tài trợ; Dự án Cầu Đại Lộc và Dự án Đường nối Cầu Đại Lộc với Quốc lộ 1A do JICA tài trợ; Dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn góp phần xóa đói giảm nghèo và ứng phó biến đổi khí hậu huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị do Quỹ OFID tài trợ; Dự án Quản lý thiên tai (WB5) do WB tài trợ; Chương trình Hạnh phúc tỉnh Quảng Trị do KOICA tài trợ; Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị do Chính phủ Áo tài trợ...

Giai đoạn 2016-2021, mặc dù chỉ có 09 dự án vận động mới, thấp hơn so với giai đoạn 2011-2015 (31 dự án), nhưng quy mô vốn bình quân/dự án trong giai đoạn 2016-2021 là 17,10 triệu USD/dự án, cao hơn 2,31 lần so giai đoạn 2011-2015 (7,38 triệu USD/dự án).

ĐVT: Triệu USD

Giai đoạn	Số dự án ODA ký kết	Tổng vốn	Quy mô vốn trung bình của dự án
2011-2015	31	228,73	7,38
2016-2021	09	153,92	17,10

Giá trị ODA ký kết mới bình quân đầu người của tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2021 đạt 243,40 USD, cao hơn rất nhiều so với mức bình quân chung của các vùng khác như: Vùng miền núi và trung du phía Bắc đạt 7,61 USD, vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung đạt 6,93 USD, vùng Tây Nguyên đạt 4,03 USD, vùng Đông Nam Bộ đạt 8,32 USD.

1.2. Tình hình giải ngân vốn ODA

Giai đoạn 2016-2021, tổng vốn giải ngân các dự án ODA trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là 4.069,60 tỷ đồng; trong đó, giải ngân vốn nước ngoài là 3.348,21 tỷ đồng, giải ngân vốn đối ứng là 721,38 tỷ đồng.

ĐVT: Tỷ đồng

Giai đoạn	Tổng vốn giải ngân	Vốn ODA, vay ưu đãi	Vốn đối ứng
2011-2015	2.661,60	2.090,87	570,73
2016-2021	4.069,60	3.348,21	721,38

¹ Dự án đã được TTg CP phê duyệt CTĐT tại Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 19/02/2021. Hiện đang thực hiện các thủ tục đàm phán Hiệp định vay

Thống kê kết quả thực hiện cho thấy: Tỷ lệ vốn vay tăng lên, trong khi viện trợ không hoàn lại giảm dần qua các giai đoạn. Tỷ lệ vốn vay tăng từ 49,34% (2001-2005) lên 73,67% (2006-2010), giai đoạn 2011-2015 đạt 79,34% và đạt mức cao nhất là 81,01% (2016-2021). Mức vốn viện trợ không hoàn lại giảm đột ngột từ 33,74% (2001-2005) xuống 8,31% (2006-2010), 5,44% (2011-2015) và 1,38% (2016-2020). Thực tế này phản ánh xu thế là sau khi Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình, chính sách hợp tác phát triển của các nhà tài trợ có sự điều chỉnh theo hướng giảm dần hoặc chấm dứt các khoản ODA viện trợ không hoàn lại, các khoản vay ODA với điều kiện ưu đãi được chuyển dần sang các khoản vay kém ưu đãi hơn và đặt ra yêu cầu tỉnh Quảng Trị cần phải sử dụng vốn ODA đạt hiệu quả cao, phải lựa chọn mục tiêu đầu tư, đồng thời phải có các chính sách, giải pháp an toàn nợ nước ngoài.

Giai đoạn	Tỷ lệ vay (%)	Tỷ lệ viện trợ (%)	Tỷ lệ đối ứng (%)	Tỷ lệ giải ngân so với KH (%)
2001-2005	49,34	33,74	16,92	68,37
2006-2010	73,67	8,31	18,02	94,30
2011-2015	79,34	5,44	15,17	64,86
2016-2021	81,01	1,38	16,30	63,85

Vốn giải ngân các dự án ODA có xu hướng giảm dần do nhiều nguyên nhân; trong đó, một phần là các dự án ODA lớn được ký hiệp định vay, cam kết viện trợ trong giai đoạn này nhưng chuyển tiếp sang thực hiện giải ngân ở giai đoạn tiếp theo. Số lượng dự án Ô do các bộ, ngành chủ quản triển khai trên địa bàn phụ thuộc vào hướng dẫn của cấp Trung ương. Nhiều dự án khi triển khai thực hiện phụ thuộc vào ý kiến “không phản đối” của nhà tài trợ. Bên cạnh đó, trong giai đoạn từ 2011 đến nay, nhiều chính sách pháp luật mới liên quan đến ODA được ban hành, thay đổi như: Luật Đầu tư công, Luật quản lý nợ công, Nghị định về quản lý, sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, Nghị định về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ ... đã gây ra nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình thẩm định, ký hợp đồng vay lại và tổ chức thực hiện dự án.

1.3. Tài trợ theo đối tác giai đoạn 2016 - 2021

Trong các nhà tài trợ vốn ODA cho tỉnh Quảng Trị, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Ngân hàng Thế giới (WB) là hai đối tác lớn nhất. Số lượng dự án do ADB tài trợ chiếm 33,3%, vốn tài trợ chiếm 50,7% tổng vốn ODA của tỉnh Quảng Trị. Số lượng dự án do WB tài trợ chiếm 33,3%, vốn tài trợ của WB chiếm 31,6% tổng vốn ODA dành cho tỉnh.

Từ năm 2016 đến 2021, ADB tài trợ cho Quảng Trị 09 dự án với tổng vốn đầu tư là 194,50 triệu USD, trong đó vốn vay ưu đãi là 164,49 triệu USD và viện trợ không hoàn lại là 3,25 triệu USD. Các dự án tài trợ của ADB tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực như: nông nghiệp và phát triển nông thôn, giáo dục, y tế, giao thông, cấp thoát nước, thủy lợi, du lịch.

WB đã tài trợ cho tỉnh Quảng Trị 09 dự án với tổng vốn đầu tư 121,29 triệu

USD, trong đó vốn vay ưu đãi là 104,79 triệu USD và viện trợ không hoàn lại 1,17 triệu USD. Các dự án tài trợ của WB tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực như: nông nghiệp và phát triển nông thôn, y tế, giáo dục, cấp thoát nước, tài nguyên môi trường.

Bên cạnh các đối tác truyền thống, có quan hệ lâu năm như ADB, WB thì Chính phủ Nhật Bản (thông qua JICA) đã hỗ trợ ODA cho tỉnh với tổng vốn tài trợ chiếm 3,6% tổng vốn ODA, Hàn Quốc (vốn tài trợ chiếm 2,9% tổng vốn ODA). Các đối tác mới như: Áo (vốn tài trợ chiếm 4,2%); Na Uy (vốn tài trợ chiếm 2,3%); Quỹ OPEC cho phát triển quốc tế (vốn tài trợ chiếm 2,2%); Italia (vốn tài trợ chiếm 1,6%)...

1.4. Tình hình sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo lĩnh vực

Giai đoạn 2016-2021, vốn ODA, vốn vay ưu đãi huy động đầu tư theo lĩnh vực như sau:

- Giao thông, hạ tầng đô thị (chiếm 49,0% tổng vốn ODA đầu tư trên địa bàn);
- Nông nghiệp, phát triển nông thôn (chiếm 32,6%);
- Cấp nước, thoát nước (chiếm 2,9%);
- Y tế (chiếm 6,9%);
- Giáo dục (chiếm 0,3%);
- Du lịch (chiếm 2,9%);
- Lĩnh vực khác như: điện nông thôn, hỗ trợ kỹ thuật, quản lý đất đai, bảo tồn đa dạng sinh học (chiếm 5,3% tổng vốn ODA).

1.5. Đánh giá vai trò, đóng góp của vốn ODA đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Trị

Giai đoạn 2016-2021, các dự án sử dụng vốn ODA được triển khai thực hiện có hiệu quả, tuân thủ chặt chẽ quy chế, nguyên tắc về quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của Chính phủ Việt Nam và được các nhà tài trợ đánh giá cao. Việc huy động, sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã đạt được nhiều kết quả nổi bật, đóng góp vai trò quan trọng vào phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo và an sinh xã hội của tỉnh Quảng Trị, cụ thể như sau:

Thứ nhất, trong điều kiện ngân sách địa phương rất hạn hẹp, việc huy động, sử dụng tốt và có hiệu quả nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi đã góp phần bổ sung một nguồn lực rất quan trọng cho đầu tư phát triển. Giai đoạn 2016-2021, tổng giải ngân vốn ODA chiếm 4,09% tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội và chiếm 16,83% tổng đầu tư từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị².

Thứ hai, vốn ODA góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội; xóa đói giảm nghèo và tạo diện mạo mới cho nhiều ngành, lĩnh vực và địa phương hưởng lợi.

² Giai đoạn 2016-2020: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội là 70.869 tỷ đồng; vốn khu vực nhà nước: 21.000 tỷ đồng. Năm 2021: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội là 28.534 tỷ đồng; vốn khu vực nhà nước: 3.180 tỷ đồng

- Trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị: Vốn ODA đã góp phần quan trọng làm thay đổi diện mạo hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị như: Đông Hà, thị xã Quảng Trị, Lao Bảo, Khe Sanh...

- Trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, xóa đói giảm nghèo: Nguồn vốn sử dụng có hiệu quả đã duy trì, thúc đẩy phát triển các mô hình sản xuất trên địa bàn tỉnh, hoàn thiện và nâng cấp hệ thống thủy lợi, kè đập góp phần điều hòa nguồn nước, phục vụ tưới tiêu, phòng chống hạn hán, lũ lụt, cung cấp nước sinh hoạt cho các đô thị, vùng nông thôn. Ngoài ra, nguồn vốn ODA thực hiện thông qua các dự án trồng rừng, nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng của một số cây trồng có thế mạnh của địa phương.

- Lĩnh vực giao thông vận tải: Nhiều công trình sử dụng nguồn vốn ODA sau khi hoàn thành, đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả rất tốt góp phần hoàn chỉnh, hiện đại hóa hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh, thúc đẩy giao thương, buôn bán, đi lại của người dân, điển hình như: Đường giao thông Thạch Kim-Hiền Hòa, huyện Vĩnh Linh; Đường nối Cầu Đại Lộc với Quốc lộ 1A; Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn góp phần xóa đói giảm nghèo và ứng phó biến đổi khí hậu huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP),...

- Lĩnh vực tài nguyên môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu: Nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi hỗ trợ bảo vệ môi trường và các nguồn tài nguyên thiên nhiên, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Các dự án điển hình như: Hành lang bảo tồn đa dạng sinh học tiểu vùng Mêkông mở rộng (BCC), Phục hồi và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng ngập mặn gắn liền với sinh kế bền vững tại khu vực hạ lưu sông Bến Hải, sông Thạch Hãn (SP RCC); Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Trị (JICA2),...

- Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi đã góp phần hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và học tập ở tất cả các cấp học (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, cao đẳng...). Các dự án điển hình như: Tăng cường cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo dạy nghề cho Trường Trung cấp nghề tỉnh Quảng Trị; Chương trình phát triển giáo dục trung học phổ thông; Dự án Phát triển giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất,...

- Trong lĩnh vực y tế: Vốn ODA đã đầu tư tăng cường cơ sở vật chất và kỹ thuật cho công tác khám chữa bệnh, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, hỗ trợ triển khai chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống HIV/AIDS,... Các dự án điển hình như: Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện (WB); Dự án Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị (Áo); Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở tỉnh Quảng Trị (WB)...

Thứ ba, vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài đã góp phần giúp tỉnh tiếp nhận kỹ thuật hiện đại, kinh nghiệm quản lý tiên tiến, đào tạo nguồn nhân lực và hỗ trợ phát triển thể chế. Một phần vốn ODA đã hỗ trợ tài chính để đào tạo và đào tạo lại cho một lực lượng lớn nguồn nhân lực, bao gồm: các cán bộ làm việc ở các Ban quản lý dự án, các cán bộ của các cơ quan chuyên

môn các cấp, người dân hưởng lợi vùng dự án ODA.

Việc chuyển giao các trang thiết bị hiện đại cùng với công nghệ mới giúp nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy, đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ phát triển thể chế, chính sách nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thực tế đã được triển khai có hiệu quả thông qua các dự án tiêu biểu như: Dự án Tăng cường cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo dạy nghề cho Trường Trung cấp nghề tỉnh Quảng Trị (KOICA); Dự án mua sắm trang thiết bị cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị (Áo),...

Thứ tư, vốn ODA đã góp phần thực hiện các chính sách đối ngoại của tỉnh. Thông qua hợp tác thực hiện các chương trình, dự án ODA cung cấp cho tỉnh, Chính phủ và nhân dân các nước tài trợ cũng như các tổ chức quốc tế đã hiểu và tích cực ủng hộ quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thắt chặt tình cảm hữu nghị và hợp tác phát triển.

Tính đến nay, sau hơn 25 năm kể từ thời điểm tiếp nhận khoản viện trợ đầu tiên (năm 1996), tỉnh Quảng Trị đã thiết lập quan hệ, tiếp nhận các khoản viện trợ ODA, vốn vay ưu đãi của trên 20 nhà tài trợ như: ADB, WB, AFD, Đức, Phần Lan, Thụy Điển, Na Uy, Tây Ban Nha, Italia, Hàn Quốc, EU, Ả Rập Xê Út, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Ngân hàng Thế giới, Quỹ OPEC và phát triển quốc tế (OFID),...

2. Những tồn tại, hạn chế trong thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2021

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, công tác vận động, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài trong giai đoạn vừa qua còn tồn tại một số bất cập và hạn chế, đó là:

Thứ nhất, vốn ODA và vốn vay ưu đãi huy động có xu hướng giảm dần khi chính sách về ODA có những điều chỉnh. Sau khi Việt Nam trở thành nước có thu nhập trung bình, chính sách tài trợ ODA có nhiều thay đổi. Theo đó, nguồn vốn ODA ký kết thực hiện mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có sự suy giảm đáng kể. Vốn ODA, vốn vay ưu đãi ký kết tăng mạnh trong giai đoạn 2011-2015 (vốn ký kết giai đoạn 2011-2015 là 228,73 triệu USD, gấp 2,45 lần so với giai đoạn 2006-2010), nhưng có chiều hướng giảm mạnh trong giai đoạn 2016-2021 khi mức vốn ký kết mới chỉ là 153,92 triệu USD, bằng 67,3% so với giai đoạn 2011-2015.

Một số nhà tài trợ chấm dứt chương trình viện trợ không hoàn lại trong khi một số nhà tài trợ khác chuyển dần từ cung cấp vốn ODA ưu đãi sang các khoản vay kém ưu đãi hơn hoặc các khoản vay thương mại.

Chủ trương của Chính phủ là giảm dần các khoản cấp phát cho địa phương, tăng các khoản vay lại nhằm giảm bớt áp lực nợ công. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16/8/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP. Đối với tỉnh Quảng Trị, tỷ lệ cho vay lại được Chính phủ quy định là 30% vốn vay ODA, vay ưu đãi.

Đối với một địa phương còn khó khăn như tỉnh Quảng Trị, việc tiếp cận các khoản vay mới là một thách thức rất lớn. Giai đoạn 2021-2025, trong số 14 dự án ODA bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn thực hiện trên địa bàn, có 09 dự án mà địa phương phải vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ theo quy định.

Thứ hai, về khả năng đảm bảo vốn đối ứng thực hiện dự án

- Việc bố trí vốn đối ứng chưa đáp ứng được nhu cầu và tiến độ thực hiện dẫn đến phát sinh nhiều vướng mắc, khó khăn. Các dự án Ô do các bộ, ngành Trung ương làm chủ quản có hợp phần thực hiện trên địa bàn tỉnh không được Chính phủ cân đối vốn đối ứng từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh phải bố trí để thực hiện các hoạt động đã cam kết với Bộ chủ quản nên áp lực cho ngân sách địa phương là rất lớn.

Bình quân hàng năm trong giai đoạn 2016-2021, vốn đối ứng cần bố trí cho các dự án ODA trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là 180 tỷ đồng. Tuy nhiên, trên thực tế, vốn đối ứng do ngân sách Trung ương phân bổ và vốn ngân sách tỉnh không cân đối đủ, bình quân chỉ vào khoảng 130 tỷ đồng/năm nên đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân các chương trình, dự án ODA.

- Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025, nguồn vốn đối ứng từ ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương được phê duyệt, trong đó đã tổng hợp, cân đối đủ nhu cầu vốn đối ứng cho các dự án chuyển tiếp và hoàn thành trong giai đoạn này. Tuy nhiên, đối với các dự án đang trong quá trình vận động, do chưa đáp ứng quy định của Luật Đầu tư công thì chưa được cân đối, bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn.

- Năng lực trả nợ và khả năng bố trí vốn đối ứng của chủ dự án một số dự án ODA vay lại còn hạn chế dẫn tới việc phải dừng hoạt động dự án, rút khỏi Hiệp định vay³.

Thứ ba, cơ chế chính sách, quy trình, thủ tục

- Giai đoạn từ năm 2011 đến nay, nhiều Luật và các văn bản hướng dẫn liên quan đến việc quản lý các dự án đầu tư được ban hành như: Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Quản lý nợ công... nên công tác theo dõi, quản lý nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi có nhiều thay đổi so với trước đó. Hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến ODA thay đổi liên tục, nhiều nội dung hướng dẫn chưa rõ ràng, còn chậm trễ, thiếu kịp thời dẫn tới việc triển khai áp dụng còn bị động, lúng túng.

- Việc giải ngân vốn nước ngoài phức tạp (Hiệp định vay đã có hiệu lực nhưng không thể giải ngân khi chưa được giao kế hoạch trung hạn, hàng năm; Vốn nước ngoài NSTW giải ngân đồng thời vốn phần vốn địa phương vay lại), công tác kiểm soát chi vốn nước ngoài còn nhiều bất cập. Việc giao kế hoạch vốn nước ngoài chưa phù hợp với tiến độ thực hiện và tiến độ bố trí vốn đối ứng.

- Thủ tục trình, phê duyệt các chương trình, dự án còn phức tạp từ xây dựng đề xuất dự án, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư ... và phụ thuộc nhiều

³ Dự án Phát triển cấp nước Đông Hà và vùng phụ cận sử dụng vốn vay của ADB do Công ty CP Nước sạch Quảng Trị làm Chủ đầu tư

vào nhà tài trợ. Do đó, thời gian chuẩn bị chương trình, dự án ODA kéo dài, bao gồm từ đề xuất ý tưởng cho đến khi ký kết điều ước quốc tế cụ thể về ODA thường mất từ 2 - 3 năm, cá biệt có dự án kéo dài từ 5 - 6 năm.

- Quy trình, thủ tục giữa Chính phủ Việt Nam và nhà tài trợ còn có sự khác biệt, chưa hài hòa (công tác đấu thầu, thẩm định, phê duyệt dự án, tuyển chọn tư vấn, ...) làm thời gian chuẩn bị dự án bị kéo dài, thiết kế ban đầu không còn phù hợp, nhiều dự án phải điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư.

Thứ tư, công tác chuẩn bị, tổ chức và thực hiện

- Chất lượng chuẩn bị các đề xuất dự án, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư còn sơ sài, dẫn tới nội dung dự án phải bổ sung, điều chỉnh nhiều lần. Công tác giải phóng, tái định cư khi lập dự án chưa sát đúng nên khi triển khai thực hiện bị thiếu vốn, giải phóng mặt bằng vẫn là “điểm nghẽn”, có nhiều vướng mắc làm kéo dài thời gian thực hiện, tăng chi phí và làm giảm hiệu quả đầu tư.

- Năng lực cán bộ tại một số Ban quản lý dự án còn hạn chế, chưa am hiểu về quy trình, thủ tục thực hiện nguồn vốn ODA.

Thứ năm, công tác theo dõi, giám sát và đánh giá ODA

- Công tác giám sát, đánh giá đặc biệt là đánh giá sau khi dự án kết thúc dự án chưa được chú trọng thực hiện. Việc kiểm tra, đánh giá chỉ tập trung vào giai đoạn thực hiện, hoàn thành, chưa đánh giá tổng thể hiệu quả đầu tư, tính bền vững và tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của dự án.

- Các Chủ dự án, ban quản lý dự án chưa thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo theo yêu cầu về thời gian và nội dung theo quy định hiện hành; chất lượng các báo cáo chưa cao.

II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN ODA GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Ưu tiên sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài

Ưu tiên sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài giai đoạn 2021-2025 đã được Chính phủ quy định tại Điều 5 Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020.

Đối với tỉnh Quảng Trị, định hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài giai đoạn 2019-2020, tầm nhìn 2021-2015 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 28/8/2019, theo đó:

- Vốn ODA không hoàn lại được ưu tiên sử dụng để thực hiện chương trình, dự án phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội; tăng cường năng lực; hỗ trợ xây dựng chính sách, thể chế và cải cách; phòng, chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; an sinh xã hội; chuẩn bị các dự án đầu tư hoặc đồng tài trợ cho dự án sử dụng vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài nhằm làm tăng thành tố ưu đãi của khoản vay.

- Vốn vay ODA được ưu tiên sử dụng cho các chương trình, dự án trong lĩnh vực y tế, giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, hạ tầng kinh tế thiết yếu không có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.

- Vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được ưu tiên sử dụng cho chương trình, dự án vay về để cho vay lại theo quy định pháp luật về cho vay lại

vốn vay ODA, vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài của Chính phủ; chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước trong lĩnh vực phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội.

2. Nhu cầu vốn các dự án ODA chuyển tiếp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025

Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 2310/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2015; Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025. Theo đó, có 14 dự án ODA (13 dự án chuyển tiếp và 01 dự án dự kiến khởi công mới) được bố trí vốn để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị với tổng vốn là 3.461,673 tỷ đồng; trong đó:

- Vốn nước ngoài ngân sách trung ương cấp phát: 1.923,8 tỷ đồng;
- Vốn nước ngoài địa phương vay lại của Chính phủ: 881,818 tỷ đồng⁴;
- Vốn đối ứng: 656,055 tỷ đồng (đối ứng từ nguồn ngân sách trung ương: 379,575 tỷ đồng, đối ứng từ ngân sách địa phương: 276,48 tỷ đồng).

Nhu cầu vốn của 13 dự án ODA chuyển tiếp đã được cân đối, bố trí đủ trong kế hoạch 2021-2025. Riêng dự án khởi công mới⁵, nhu cầu vốn còn thiếu cần bổ sung trong kế hoạch 2021-2025 là 222,82 tỷ đồng (trong đó vốn nước ngoài nguồn NSTW: 175,418 tỷ đồng, vốn đối ứng: 47,40 tỷ đồng).

3. Nhu cầu vốn các dự án ODA đề xuất vận động mới

3.1. Tình hình vận động các dự án

Đến thời điểm hiện nay, tỉnh Quảng Trị đang đề xuất vận động mới 10 dự án sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (trong đó có 07 dự án vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; 01 dự án viện trợ không hoàn lại; 02 dự án sử dụng vốn ODA theo cơ chế tài chính trong nước). Tổng mức đầu tư dự kiến của các dự án đề xuất là 13.417 tỷ đồng, trong đó nhu cầu các nguồn vốn như sau:

- Vốn nước ngoài nguồn NSTW cấp phát: 5.421,69 tỷ đồng;
- Vốn nước ngoài vay lại: 2.364,31 tỷ đồng;
- Vốn ODA viện trợ không hoàn lại: 320,41 tỷ đồng;
- Vốn đối ứng: 1.145,89 tỷ đồng (nhu cầu đối ứng nguồn NSTW: 583,97 tỷ đồng, đối ứng nguồn NSDP: 561,93 tỷ đồng⁶).

(Danh mục chi tiết các dự án tại phụ lục kèm theo)

3.2. Khả năng cân đối vốn cho các dự án

⁴ Nhu cầu vốn địa phương vay lại được xây dựng trên cơ sở nguồn vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW trong KH trung hạn 2021-2025.

⁵ Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - (CRIEM), tỉnh Quảng Trị

⁶ Trong đó, UBND TP Đông Hà cam kết bố trí từ ngân sách được phân cấp của TP là 57,67 tỷ đồng để thực hiện Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng tới tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà

Việc bố trí vốn nước ngoài và vốn đối ứng cho dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn phải đảm bảo nguyên tắc theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 51 và điều kiện quy định tại khoản 2, Điều 52, Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019.

Hiện nay, các dự án vận động mới chưa đáp ứng các nguyên tắc, điều kiện bố trí vốn theo quy định nêu trên nên chưa được bố trí vốn ODA, vốn đối ứng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 của tỉnh Quảng Trị.

Trường hợp, dự án đề xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, UBND tỉnh sẽ báo cáo trình Chính phủ xem xét, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các dự án.

Nhu cầu vốn đối ứng của các dự án đề xuất mới hiện nay là rất lớn (Tổng vốn đối ứng: 1.145,89 tỷ đồng, trong đó, NSTW: 583,97 tỷ đồng, NSDP: 561,93 tỷ đồng). Trong khi đó, vốn đối ứng nguồn NSTW kế hoạch 2021-2025 (379,575 tỷ đồng) đã được UBND tỉnh giao hết cho các dự án ODA chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025; vốn đối ứng nguồn NSDP kế hoạch trung hạn 2021-2025 phần chưa giao chi tiết (dự kiến bố trí cho các dự án ODA mới, các dự án điều chỉnh chủ trương đầu tư) chỉ khoảng 300 tỷ đồng, do đó không thể cân đối đủ nhu cầu cho các dự án đang đề xuất vận động.

4. Dự kiến kế hoạch vay và trả nợ nguồn vốn địa phương vay lại Chính phủ vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài giai đoạn 2021-2025

Giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có 08 dự án chuyển tiếp vay lại Chính phủ vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài⁷; 01 dự án khởi công mới đã được phê duyệt chủ trương đầu tư, chuẩn bị đàm phán Hiệp định vay⁸.

Khả năng đảm bảo hạn mức vay nợ của địa phương gắn với thu ngân sách giai đoạn 2021-2025 (số liệu tính bao gồm 09 dự án ODA vay lại vốn vay nước ngoài đã được bố trí vốn trong kế hoạch trung hạn 2021-2025; không bao gồm 07 dự án đang đề xuất vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ), như sau:

- Hạn mức vay của chính quyền địa phương theo số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp dự kiến là 876,492 tỷ đồng.

- Tổng dư nợ đầu kỳ của tỉnh Quảng Trị là 109,833 tỷ đồng⁹. Trong kỳ, tổng số trả nợ gốc: 125,62 tỷ đồng¹⁰; Tổng trả lãi, phí các khoản vay: 74,46 tỷ đồng. Tổng mức vay của ngân sách địa phương trong kỳ là 881,818 tỷ đồng.

⁷ 1. Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8); 2. Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Quảng Trị (VILG); 3. Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR), tỉnh Quảng Trị; 4. Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP); 5. Dự án ĐTXD và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở; 6. Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Kông mở rộng giai đoạn 2; 7. Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị (BIIG2); 8. Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS).

⁸ Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - (CRIEM), tỉnh Quảng Trị, vay vốn ADB được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định của số 218/QĐ-TTg ngày 19/02/2021. Theo đó, dự án có tổng mức đầu tư là 921.698 triệu đồng (gồm vốn vay ADB: 696.298 triệu đồng; vốn đối ứng 225.400 triệu đồng). Cơ chế tài chính theo Quyết định CTĐT phê duyệt là: Ngân sách Trung ương cấp phát 60%, địa phương vay lại theo tỷ lệ 40%.

⁹ Trong đó: Vay kiến cố hóa kênh mương: 49,500 tỷ đồng; Vay từ nguồn vay của Chính phủ: 60,333 tỷ đồng.

¹⁰ Trong đó: Trả nợ vay kiến cố hóa kênh mương: 49,500 tỷ đồng; Trả nợ vay của Chính phủ: 76,120 tỷ đồng.

Theo đó, dư nợ tính đến thời điểm cuối kỳ (năm 2025) là 866,031 tỷ đồng, so với hạn mức vay của chính quyền địa phương thì tỷ lệ dư nợ cuối kỳ/mức dư nợ tối đa là 99% (chênh lệch hạn mức là 10,461 tỷ đồng).

Như vậy, hạn mức vay của tỉnh Quảng Trị đến cuối kỳ trung hạn (năm 2025) đã hết nên việc tiếp nhận các khoản vay ODA mới là rất khó khăn.

Nội dung thứ năm: Lý do UBND tỉnh tạm dừng đầu tư Dự án Vía hè đường Hùng Vương (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Điện Biên Phủ) đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 21/04/2020.

1. Tình hình, tiến độ thực hiện:

Dự án Vía hè đường Hùng Vương (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Điện Biên Phủ) được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 với tổng mức đầu tư 14.900 triệu đồng, từ nguồn vốn đầu giá quyền sử dụng đất của tỉnh, thời gian thực hiện năm 2020-2021, do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư.

Năm 2020, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh đã hoàn thành công tác khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Tuy nhiên, để thống nhất việc đầu tư hệ thống vỉa hè, hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị trên địa bàn tỉnh đảm bảo đồng bộ, hiện đại; nên UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Xây dựng rà soát, đề xuất và đồng thời yêu cầu Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh tạm dừng việc đầu tư dự án.

Đến năm 2021, để đầu tư hoàn thiện hệ thống vỉa hè và ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Tân Sở) nhằm tăng cường mỹ quan đô thị, đồng bộ; UBND tỉnh đã có chủ trương sử dụng nguồn vốn kết dư của dự án Phát triển đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông, vay vốn vay ADB (viết tắt là dự án GMS) để ưu tiên đầu tư và hiện nay đang hoàn thiện thủ tục. Do đó dự án Vía hè đường Hùng Vương (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Điện Biên Phủ) chưa triển khai thực hiện.

2. Về kế hoạch vốn đã phân bổ:

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được UBND tỉnh tỉnh phân bổ cho dự án tại Quyết định số 2310/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 với số vốn bố trí là 14.900 triệu đồng.

Kế hoạch vốn năm 2021 đã được HĐND tỉnh phân bổ cho dự án tại Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 với số vốn được bố trí là 5.000 triệu đồng. Tuy nhiên, do dự án tạm dừng không thực hiện nên đã được UBND tỉnh điều chuyển số vốn đã phân bổ năm 2021 của dự án Lát vỉa hè đường Hùng Vương sang cho dự án khác tại Quyết định số 3595/QĐ-UBND ngày 12/11/2021.

Hiện nay, dự án lát vỉa hè đường Hùng Vương (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Tân Sở) đang được hoàn thiện các thủ tục đề xin ý kiến không phản đối của ADB về đề xuất đầu tư từ nguồn vốn kết dư của dự án GMS. Sau khi có ý kiến thống nhất của ADB; UBND tỉnh sẽ báo cáo, xin ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh và đề xuất điều chuyển vốn đã bố trí trong kế hoạch đầu tư

công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Dự án Vía hè đường Hùng Vương (đoạn từ Ngô Quyền đến đường Điện Biên Phủ) sang cho dự án khác.

Nội dung thứ sáu: Báo cáo tiến độ công tác bàn giao đất, đất có rừng tạm thời đã được UBND tỉnh thông qua cho các dự án sau khi hoàn thành đi vào hoạt động.

1. Về cho thuê đất tạm thời:

Đến thời điểm nay, UBND tỉnh cho thuê đất để thực hiện dự án điện gió là 20 dự án; trong đó, tổng diện tích cho thuê đất thời hạn đến khi dự án hoàn thành đưa vào hoạt động (cho thuê tạm thời) là: 116,17ha (Có phụ lục kèm theo). Cụ thể:

- Đối với đất năng lượng là bao gồm các hạng mục phụ trợ, như: Bãi để cánh, bãi tập kết vật liệu, bãi hạ cầu...;

- Đối với đất giao thông là phần diện tích đất trên cơ sở các trục đường hiện hữu đã có, doanh nghiệp đầu tư nâng cấp, mở rộng và một phần đất taluy đường, lòng đường để thi công công trình.

Tại các Quyết định cho thuê đất của UBND tỉnh đã ghi rõ: “*Các Công ty phải hoàn thành các thủ tục về đất đai, môi trường, đầu tư, xây dựng, ... theo quy định của pháp luật trước khi triển khai xây dựng công trình. Quá trình triển khai và vận hành dự án không làm ảnh hưởng đến việc sản xuất, đi lại của người dân và các đơn vị có liên quan trong vùng dự án; không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của các chủ sử dụng đất liền kề và có biện pháp hoàn thổ mặt bằng, trồng cây xanh bảo vệ môi trường; có biện pháp chống sạt lở, xói lở. Đối với phần đất giao thông (đường chính của dự án) là đường dùng chung đi lại trong khu vực, Công ty không được rào chắn, ngăn cản người dân đi lại. Đối với diện tích đất thuê để phục vụ thi công công trình (cho thuê đất tạm thời), sau khi xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng, các Công ty lập thủ tục bàn giao lại cho địa phương quản lý”.*

2. Về lộ trình thực hiện:

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 3211/STNMT-QLĐĐ ngày 23 tháng 9 năm 2021, theo đó yêu cầu các nhà đầu tư điện gió thực hiện: Đối với các hạng mục phụ trợ của dự án (bãi tập kết vật tư, thiết bị; đường tạm phục vụ thi công,... và các hạng mục công trình phụ trợ khác), đã được UBND tỉnh cho thuê đất có thời hạn tạm thời (đến khi hoàn thành dự án). Khi hết thời hạn sử dụng đất, đề nghị các chủ đầu tư lập hồ sơ trả lại đất, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để trình UBND tỉnh thu hồi đất, giao lại địa phương quản lý theo quy định.

Tiếp đó, ngày 29/11/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 4066/STNMT-QLĐĐ, yêu cầu các nhà đầu tư điện gió khẩn trương lập hồ sơ trả lại đất (thu hồi đất) đối với phần đất đã được UBND tỉnh cho thuê đất có thời hạn tạm thời, mà đến nay đã hết hạn sử dụng và phần diện tích đất giao thông hiện trạng đang sử dụng lối đi chung để bàn giao lại cho địa phương quản lý theo quy định. Thời hạn hoàn thành trước ngày **31/12/2021**.

Hiện nay, UBND tỉnh đang giao Sở Tài nguyên và Môi trường đôn đốc các Công ty nộp hồ sơ để trình UBND tỉnh xem xét, quyết định thu hồi theo quy định.

3. Về phương án sử dụng đất sau khi thu hồi:

- Đối với phần đất năng lượng (Bãi để cánh, bãi tập kết vật liệu,...), sau khi các dự án hoàn thành, các Công ty phải hoàn thổ mặt bằng và bàn giao cho UBND các xã, thị trấn quản lý. UBND tỉnh sẽ giao UBND huyện Hướng Hóa chỉ đạo UBND các xã, thị trấn rà soát, đề xuất, đưa đất vào quản lý, sử dụng. Trong đó ưu tiên bố trí đất: các công trình công cộng phục vụ nhu cầu chung của nhân dân, cộng đồng; giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân thiếu đất sản xuất; trồng cây xanh.... Quá trình thực hiện phải đưa vào quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất và được công khai minh bạch, đồng thời phải đảm bảo an toàn cho các công trình điện gió và người dân trong khu vực.

- Đối với phần đất giao thông:

+ *Đối với đất giao thông là các đường giao thông nối các tuabin, đường nội bộ của dự án, trước đây đã cho các Công ty thuê đất:*

Sẽ tiếp tục cho các Công ty quản lý, duy tu để sử dụng vận hành trong quá trình hoạt động. Nhưng yêu cầu các Công ty phải có trách nhiệm xây dựng, bảo vệ, gia cố tránh sạt lở, bảo trì bảo dưỡng xuyên suốt thời gian thực hiện dự án.

Đồng thời, giao các địa phương kiểm tra, đôn đốc yêu cầu các Công ty thi công phải đảm bảo các tiêu chuẩn, kỹ thuật quy định. Quá trình sử dụng các tuyến đường là giao thông sử dụng làm đường đi lại chung trong khu vực, Công ty không được rào chắn, ngăn cản người dân đi lại (Nội dung này trong các Quyết định cho thuê đất đã quy định).

+ *Đối với đất giao thông mà trước đây là đường hiện hữu đã có và các doanh nghiệp đầu tư nâng cấp mở rộng, trong đó có một phần đất taluy đường (đã cho các Công ty thuê đất tạm thời):*

Sau khi hoàn thành việc xây dựng dự án, UBND tỉnh yêu cầu các Công ty hoàn thổ mặt bằng, trồng cây xanh bảo vệ môi trường, gia cố các điểm có nguy cơ sạt lở và lập hồ sơ bàn giao lại đất, công trình cho địa phương quản lý; Bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên trong quá trình vận hành dự án./.

Phụ lục

Danh mục các dự án đầu tư đang vận động vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Văn bản số 5943/UBND-TH ngày 06 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ dự kiến	Chủ trương/ Quyết định đầu tư									Tình hình chuẩn bị dự án
			Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT							
					Trong đó:							
					Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài				
Tổng	NSTW	NSDP	Tổng	Vốn vay lại	Viện trợ không hoàn lại	Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW						
TỔNG SỐ				13.416.944	1.145.898	583.966	561.932	8.106.417	2.364.316	320.410	5.421.690	
I Các dự án đang vận động, chưa được phê duyệt CTĐT												
<i>Đã phê duyệt đề xuất dự án và đang lập chủ trương đầu tư trình phê duyệt</i>												
1	Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng tới tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà	AFD	1075/TTg-QHQT ngày 11/8/2021	1.149.230	192.230	134.560	57.670	957.000	367.948	37.130	551.922	Đã được TTg CP phê duyệt đề xuất dự án. Đang trình CTĐT. Vốn đối ứng NSDP do UBND TP Đông Hà bố trí theo đề xuất của Chủ đầu tư
<i>Dự án đang trình Thủ tướng Chính phủ đề xuất dự án</i>												
2	Dự án Phát triển bền vững chuỗi giá trị nông nghiệp	WB	1097/UBND-NN ngày 30/3/2021	809.375	121.406	121.406		687.969	275.188		412.781	Đã trình đề xuất dự án
3	Dự án Nước sạch và vệ sinh nông thôn bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Trị	WB	817/UBND-NN ngày 10/3/2021	427.000	49.000	49.000		378.000	151.200		226.800	Đã trình đề xuất dự án
4	Dự án Quản lý rừng bền vững và thúc đẩy chứng chỉ rừng	Đức	1877/UBND-TN ngày 14/5/2021	104.813	6.671		6.671	98.142	26.412	10.100	61.629	Đã trình đề xuất dự án
5	Dự án Khôi phục, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu bị tàn phá bởi thiên tai thích ứng với BĐKH	ADB	1239/TTg-BQLDA ngày 22/10/2021	1.440.000	279.000	279.000		1.161.000	348.300		812.700	Đang rà soát đề xuất dự án theo Tờ trình số 1239/TTg-BQLDA ngày 22/10/2021 của BQLDA ĐTXD CCT NN&PTNT
6	Dự án LRAMP, giai đoạn 2	WB	8794/TCĐBVN-CQLXĐB ngày 27/11/221	563.816	22.591		22.591	391.226	117.368		273.858	Đang rà soát nhu cầu theo đề nghị của Tổng cục Đường bộ tại văn bản số 8794/TCĐBVN-CQLXĐB ngày 27/11/221
7	Dự án Đường bộ cao tốc Cam Lộ-Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị	Nhật Bản	4198/UBND-TH ngày 10/9/2021, 4199/UBND-TH ngày 10/9/2021	7.938.000	376.000		376.000	3.592.900	1.077.900		2.515.000	4198/UBND-TH ngày 10/9/2021 gửi Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, văn bản số 4199/UBND-TH ngày 10/9/2021 gửi Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam. Cơ chế tài chính đang đề xuất áp dụng theo NĐ 79/2021/NĐ-CP (tỷ lệ vay lại là 30% tổng vốn vay nước ngoài)
II Dự án viện trợ không hoàn lại												
1	Dự án Xây dựng Trung tâm bảo trợ xã hội-phục hồi chức năng cho người khuyết tật tỉnh Quảng Trị	KOICA	4371/BKH-KTĐN ngày 07/7/2021	318.710				273.180		273.180		KOICA đã phê duyệt danh mục tài trợ. Hiện đang lập CTĐT theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư văn bản số 4371/BKH-KTĐN ngày 07/7/2021. Vốn đối ứng là giá trị quy đổi từ việc chuẩn bị sẵn mặt bằng (45,530 tỷ đồng)
III Dự án sử dụng vốn ODA theo cơ chế tài chính trong nước												

PHỤ LỤC: TỔNG HỢP LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI, MÔI TRƯỜNG CỦA CÁC DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ (CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC CHO THUÊ ĐẤT)

(Kèm theo Văn bản số 5943/UBND-TH ngày 06/12/2021 của UBND tỉnh)

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Công suất (MW)	Diện tích theo Quyết định chủ trương đầu tư	Trong đó			Quyết định thuê đất	Quyết định chủ trương đầu tư	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Về thuê đất	Về môi trường	Tình hình triển khai
					Diện tích thuê đất (ha)	Thời hạn thuê đất 50 năm	Thời hạn thuê đất đến khi dự án đi vào hoạt động (tạm thời)						
1	Nhà máy Hướng Tân	Công ty CP Điện gió Hướng Tân	48	48,00	25,60	17,16	8,44	Quyết định số 1479/UBND-QĐ ngày 25/5/2020, Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 và Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 22/01/2021	Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 24/01/2019; Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 17/4/2019;	Nghị Quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019	Đã hoàn thiện hồ sơ thuê đất	ĐTM theo Quyết định số 2636/QĐ-UBND ngày 01/10/2019	Đã cơ bản hoàn thành
2	Nhà máy điện gió Tân Linh	Công ty CP Điện gió Tân Linh	48	48,00	21,33	14,61	6,72	QĐ số 1481/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 và 3352/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 24/01/2019; Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 17/4/2019;	Nghị Quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019	Đã hoàn thiện hồ sơ thuê đất	ĐTM theo Quyết định số 2382/QĐ-UBND ngày 10/9/2019	Đã cơ bản hoàn thành
3	Nhà máy điện gió Hướng Phùng 3	Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng	30,00	17,54	15,85	7,21	8,64	Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 07/8/2020; 4240/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 và 1625/QĐ-UBND ngày 30/06/2021	Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 18/02/2019; Quyết định số 1621/QĐ-UBND ngày 27/6/2019	Nghị Quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019	Đã hoàn thiện hồ sơ thuê đất	Kế hoạch bảo vệ môi trường theo Giấy chứng nhận số 2005/GXN-STNMT ngày 25/6/2019	Còn 01 tua bin và hệ thống đường dây
4	Nhà máy điện gió Hướng Phùng 2	Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng	20,00	14,54	14,32	6,78	7,54	Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 1625/QĐ-UBND ngày 30/06/2021 và Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 21/8/2021	Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 19/02/2016; Quyết định số 2939/QĐ-UBND ngày 17/12/2018	Nghị Quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019	Đã hoàn thiện hồ sơ thuê đất	ĐTM theo Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 10/6/2019	Còn 01 tua bin và hệ thống đường dây
5	Nhà máy điện gió Gelex 1	Công ty Cổ phần Năng lượng Gelex Quảng Trị	30	14,75	13,95	7,20	6,75	Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 07/4/2021	Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 18/2/2019; Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 19/02/2020	Nghị Quyết số 35/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020	Đã hoàn thiện hồ sơ thuê đất	Kế hoạch bảo vệ môi trường số 04/GXN-UBND ngày 14/4/2020	Đã cơ bản hoàn thành
6	Nhà máy điện gió Gelex 2	Công ty Cổ phần Năng lượng Gelex Quảng Trị	30	16,07	15,85	7,78	8,07	Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 18/2/2019; Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 19/02/2020	Nghị Quyết số 35/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020	Đã hoàn thiện hồ sơ thuê đất	Kế hoạch bảo vệ môi trường số 02/GXN-UBND ngày 12/3/2020.	Đã cơ bản hoàn thành

7	Nhà máy điện gió Gelex 3	Công ty Cổ phần Năng lượng Gelex Quảng Trị	30	16,45	16,33	7,88	8,45	769/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 QĐ và số 1422/QĐ-UBND ngày 09/6/2021	Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 18/2/2019	Nghi Quyết số 35/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020	Đã hoàn thiện hồ sơ thuê đất	Kế hoạch bảo vệ môi trường số 03/GXN-UBND ngày 14/4/2020	Đã cơ bản hoàn thành
8	Nhà máy điện gió Phong Liễu	Công ty Cổ phần điện gió Phong Liễu	48	25,71	16,04	16,04	0,00	Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 29/3/2021; Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	Quyết định số 2529/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 và Quyết định số 2289/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	Nghi Quyết số 16/NQ-HĐND ngày 21/4/2020	Đã hoàn thiện hồ sơ thuê đất	ĐTM theo Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	Đã cơ bản hoàn thành
9	Nhà máy điện gió Liên Lập	Công ty CP Điện gió Liên Lập	48	48,00	31,25	31,25	0,00	Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 và Quyết định số 2558/QĐ-UBND ngày 22/9/2021	Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 24/01/2019; Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 17/4/2019;	Văn bản số 63/HĐND-KTNS ngày 15/3/2019	Đã hoàn thiện hồ sơ thuê đất	Kế hoạch bảo vệ môi trường số theo Giấy xác nhận 2690/GXN-STNMT ngày 23/8/2019	Đã cơ bản hoàn thành
10	Nhà máy điện gió Phong Huy	Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	48	25,53	16,32	16,32	0,00	Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/01/2021	Quyết định số 2530/QĐ-UBND ngày 20/9/2019	Nghi Quyết số 16/NQ-HĐND ngày 21/4/2020	Đã hoàn thiện hồ sơ thuê đất	ĐTM theo Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 17/4/2020	Đã cơ bản hoàn thành
11	Nhà máy điện gió Phong Nguyên	Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	48	25,66	16,41	16,41	0,00	Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 12/01/2021	Quyết định số 2531/QĐ-UBND ngày 20/9/2019	Nghi Quyết số 16/NQ-HĐND ngày 21/4/2020	Đã hoàn thiện hồ sơ thuê đất	ĐTM theo Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 17/4/2020	Đã cơ bản hoàn thành
12	Nhà máy điện gió Hướng Linh 7	Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 7	30	15,11	14,36	6,55	7,81	Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 và Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 09/9/2021	Quyết định số: 3395/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	Nghi Quyết số 108/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	Đã hoàn thiện hồ sơ thuê đất	Kế hoạch bảo vệ môi trường Theo GXN số 16/GXN-UBND ngày 11/12/2020	Đã cơ bản hoàn thành
13	Nhà máy điện gió Hướng Linh 8	Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8	25,2	16,03	13,97	5,17	8,80	Quyết định số 1626/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	Quyết định số: 3396/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	Nghi Quyết số 108/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	Đã hoàn thiện hồ sơ thuê đất	Kế hoạch bảo vệ môi trường Theo GXN số 17/GXN-UBND ngày 11/12/2020	Đã cơ bản hoàn thành
14	Nhà máy điện gió AMACCAO - Quảng Trị 1	Công ty CP điện gió Khe Sanh	50	22,10	18,33	14,16	4,17	Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 15/7/2021 và Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 23/9/2021	Quyết định số: 3428/QĐ-UBND ngày 01/12/2020	Nghi Quyết số 108/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	Đã cơ bản hoàn thiện hồ sơ thuê đất	Kế hoạch bảo vệ môi trường GXN số 03/GXN-UBND ngày 03/02/2021	Đã cơ bản hoàn thành

15	Nhà máy điện gió Hoàng Hải	Công ty TNHH MTV Đầu tư Năng lượng Hoàng Hải	50	32,50	29,22	16,74	12,48	Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 16/7/2022	Quyết định số: 3397/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	Nghị Quyết số 108/NQ-HĐND ngày 09/12/2021	Đã thuê đất các hạng mục chính; còn lại các hạng mục đường dây 220kv, 35kv	Kế hoạch bảo vệ môi trường GXN số 05/GXN-UBND ngày 04/3/2021	Đã cơ bản hoàn thành
16	Nhà máy điện gió Tài Tâm	Công ty TNHH Tài Tâm	50	32,50	26,07	11,55	14,52	Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 và Quyết định số 2536/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	Quyết định số: 3399/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	Nghị Quyết số 108/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	Đã thuê đất các hạng mục chính; còn lại các hạng mục đường dây 220kv, 35kv	Kế hoạch bảo vệ môi trường GXN số 18/GXN-UBND ngày 29/12/2020	Đã cơ bản hoàn thành
17	Nhà máy điện gió Tân Hợp	Công ty CP Thành An	38	24,00	18,59	4,81	13,78	Quyết định số 2168/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	Quyết định số 3588/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	Nghị Quyết số 12/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	Đã thuê đất các hạng mục chính; còn lại các hạng mục đường dây 220kv, 35kv	ĐTM theo Quyết định số: 36/QĐ-UBND ngày 11/01/2021	Chưa lắp các tuabin, trụ điện do chưa có
18	Nhà máy điện gió Hướng Linh 3	Công ty CP TCT Tân Hoàn Cầu	30	8,01	44.140	44.140		Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	Nghị Quyết số 35/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020	Sở Tài nguyên và Môi trường đã trình hồ sơ thuê đất tại Tờ trình số	Giấy xác nhận số 09/GXN-UBND ngày 04/8/2020	Đã lắp đặt một số móng trụ
19	Nhà máy điện gió Hướng Linh 4	Công ty CP điện gió Hướng Linh 4	30	8,00	18.146	18.146		Quyết định số 2832/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 10/12/2019	Nghị Quyết số 35/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020	Sở Tài nguyên và Môi trường đã trình hồ sơ thuê đất tại Tờ trình số	Giấy xác nhận số 07/GXN-UBND ngày 23/7/2020	Đã lắp đặt một số móng trụ
20	Hướng Hiệp 1	Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Hiệp 1	30	18,5	56649	56649		Quyết định số 2980/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 08/6/2018	Nghị Quyết số 95/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	Chưa lập hồ sơ thuê đất	ĐTM theo Quyết định số: 585/QĐ-UBND ngày 19/3/2019	Đang triển khai xây dựng (UBND tỉnh có văn bản tạm dừng)
	Tổng cộng						116,17						